TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:108/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình'

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hân – Bà Nguyễn Thị Hà.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án vụ án ra xét xử số:205/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2019/QĐ-HPT ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh ngày 20/7/1989.
Địa chỉ: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt)
- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày 26/3/1993.
Địa chỉ: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dụng đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T, chị Trần Thị H tổ chức cưới vào tháng 01/2019, trước khi cưới anh, chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và tự nguyện nguyện đến với nhau. Anh chị đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới anh, chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:03/2019 ngày 09/01/2019. Sau khi

ký kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai bên tìm hiểu nhau không kỹ, sau khi sống chung hai bên thấy tính tình vợ chồng không hợp,quan điểm sống vợ chồng khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên vợ chồng đã có những xử sự, lời nói không đúng mực đối nhau. Mâu thuẫn xẩy ra thường xuyên trong cuộc sống chung đã làm mất tình cảm, gây không khí căng thẳng ngột ngạt khi vợ chồng tiếp xúc. Do mâu thuẫn vợ chồng mất hết tình cảm, không thương yêu, quý trọng nhau dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, chị Trần Thị H đã bỏ về bên ngoại vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 6/2019 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra đã được gia đình hai bên vận động, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, anh T đã liên lạc với chị H để làm thủ tục ly hôn nhưng chị H không chấp nhận. Quá trình viết bản tự khai và tại phiên tòa anh Lê Văn T xác định đã mất hết tình cảm đối với chị Trần Thị H, hôn nhân giữa anh và chị H đã đổ vỡ không thể hàn gắn,dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, anh Lê Văn T đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.
- Về quan hệ tài sản: Anh Lê Văn T không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị Trần Thị H không hợp tác, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của chị để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tại liệu chứng cứ do anh Lê Văn T cung cấp và trình bày của nguyên đơn nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như anh Lê Văn T đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn T, chị Trần Thị H yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng chị H không chấp hành, không hợp tác.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn anh Lê Văn T có mặt, bị đơn chị Trần Thị H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên

tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn chị Trần Thị H tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về nội dung:

+/Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Trần Thị H đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa anh T, chị H là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2019 ngày 09/01/2019 qua đó cho thấy hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Trần Thị H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Lê Văn T và chị Trần Thị H đã xẩy ra ngày càng trầm trọng, sâu sắc. Nguyên nhân cơ bản là do hai bên tìm hiểu không kỷ chưa hiểu hết về nhau, sau khi sống chung chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng đã va chạm cự cải, xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mát tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2019, quá trình sống ly thân các bên không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải, vận động để anh Lê Văn T rút đơn đoàn tụ, nhưng anh không chấp nhận, anh T xác định đã mất hết tình cảm đối với chị H, không còn gì để níu kéo hôn nhân. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị H không còn gắn kết nữa, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị H là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T.

+/Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có chung nên miễn xét.

+/Về quan hệ tài sản: Anh Lê Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

+/Về án phí: Buộc anh Lê Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Trần Thị H.

- Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26 và Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn anh đã nộp theo biên lai số: 0000040 ngày 28/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, anh Lê Văn T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Đ(Nơi ĐK KH)